

BÁO CÁO

Tình hình một năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

Thực hiện Công văn số 3485/BKHCN-XHTN ngày 28/10/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng báo cáo tình hình một năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế và Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng như sau:

1. Tình hình nghiên cứu, triển khai, quán triệt Nghị quyết số 20-NQ/TW và Nghị quyết số 46/NQ-CP và xây dựng chương trình, kế hoạch ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) gắn với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

- Tỉnh ủy Sóc Trăng ban hành Chương trình hành động số 26-CTr/TU ngày 01/02/2013 về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 31/7/2013 thực hiện Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ và Chương trình hành động số 26-CTr/TU ngày 01/02/2013 của Tỉnh ủy Sóc Trăng thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Các cấp ủy Đảng và chính quyền đã tổ chức tuyên truyền, quán triệt về ý nghĩa và các nội dung của Nghị quyết số 20-NQ/TW, Nghị quyết số 46/NQ-CP, Chương trình hành động số 26-CTr/TU và Kế hoạch số 48/KH-UBND đến toàn thể đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

- Hằng năm, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN để phát triển KH&CN ở địa phương.

2. Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW và Nghị quyết số 46/NQ-CP

2.1. Về tổ chức, cơ chế quản lý và hoạt động KH&CN

- Tỉnh Sóc Trăng tập trung đẩy mạnh việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống, gắn nhiệm vụ phát triển KH&CN với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã từng bước được đổi mới và nâng cao hiệu quả theo hướng gắn kết với sản xuất và đời sống. Các nhiệm vụ KH&CN được xác định theo hướng chú trọng giải quyết các nhu cầu bức thiết của tỉnh. Tuy số lượng nhiệm vụ KH&CN được xác định đưa vào thực hiện hàng năm không nhiều nhưng các nhiệm vụ KH&CN được lựa chọn đã gắn kết tốt với sản xuất và đời sống; chú trọng đến việc đặt hàng nghiên cứu các nhiệm vụ KH&CN, không bố trí kinh phí dàn trải trong nghiên cứu khoa học. Cụ thể như sau:

+ Năm 2012, Hội đồng Xác định nhiệm vụ và Tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KH&CN tỉnh đã xác định 08 đề tài, dự án đưa vào thực hiện năm 2013; trong đó, 02 đề tài, dự án thực hiện theo phương thức tuyển chọn và 06 đề tài, dự án thực hiện theo phương thức giao trực tiếp.

+ Năm 2013, Sở KH&CN đã xây dựng định hướng nhiệm vụ KH&CN tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm của tỉnh và thông báo đến các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đề xuất đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh. Qua đó, Sở tiếp nhận 70 phiếu đề xuất đề tài, dự án và tổ chức 02 cuộc họp Hội đồng KH&CN chuyên ngành tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học xã hội và nhân văn; đồng thời, xác định 06 nhiệm vụ KH&CN dự kiến thực hiện năm 2014. Ngoài ra, Sở tham mưu bổ sung 01 nhiệm vụ vào Danh mục thực hiện nhằm giải quyết vấn đề cấp bách của tỉnh. Kết quả, Hội đồng Xác định nhiệm vụ và Tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KH&CN tỉnh xem xét, thống nhất thông qua 07 nhiệm vụ KH&CN đưa vào thực hiện năm 2014.

- Công tác giám sát tiến độ, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện đề tài, dự án được thực hiện thường xuyên. Các cơ quan chức năng chủ động tổ chức, phối hợp các ngành chức năng có liên quan tiến hành thanh, kiểm tra tiến độ triển khai và tình hình sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện đề tài, dự án. Năm 2013, tỉnh đã tổ chức 15 đợt giám sát tiến độ thực hiện các đề tài, dự án,... Qua đó, góp phần tăng cường công tác quản lý Nhà nước ở địa phương và góp phần sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN.

- Bên cạnh đó, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND ngày 04/3/2013 về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; qua đó, giúp các sở, ngành, địa phương quản lý thống nhất hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp cơ sở.

2.2. Triển khai các nhiệm vụ KH&CN

Nhằm thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tạo động lực và làm tiền đề phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng nông thôn nói riêng và tỉnh Sóc Trăng nói chung, tỉnh Sóc Trăng tiếp tục triển khai có hiệu quả 02 dự án thuộc Chương trình Nông thôn Miền núi. Nhìn chung, các dự án đã tạo được điểm sáng về ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, phát triển sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và tăng hiệu quả kinh tế cho địa phương. Đặc biệt, nông dân trong

vùng triển khai dự án đã được nâng cao trình độ, kinh nghiệm thực tiễn về ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, tiến lên từng bước làm chủ tiến bộ kỹ thuật.

Ngoài ra, tỉnh tổ chức thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011 - 2020, chú trọng vào các định hướng: Ưu tiên nghiên cứu một số lĩnh vực khoa học tự nhiên thuộc thế mạnh của tỉnh; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn nhằm góp phần phát huy các bản sắc văn hóa dân tộc, thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.2.1. Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

- Đề tài “Tìm hiểu nghệ thuật sân khấu Rô băm của dân tộc Khmer Nam bộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng” đã khái quát sự hình thành và phát triển của nghệ thuật sân khấu Rô băm của dân tộc Khmer Nam Bộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; tìm ra được những đặc điểm nghệ thuật trong sân khấu Rô băm của dân tộc Khmer Nam Bộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; mối giao thoa giữa sân khấu Rô băm Khmer Nam Bộ với các loại hình nghệ thuật sân khấu khác. Đề tài đã góp phần bảo tồn và phát huy loại hình văn hóa nghệ thuật truyền thống của dân tộc Khmer Nam bộ nói chung và của dân tộc Khmer tỉnh Sóc Trăng nói riêng; hiện nay, công trình nghiên cứu này đã được in thành sách.

- Đề tài “Nghệ thuật tạo hình của người Khmer ở Sóc Trăng” đã thể hiện được những đặc điểm trong nghệ thuật tạo hình của người Khmer ở Sóc Trăng; mối giao thoa của nghệ thuật tạo hình của người Khmer ở Sóc Trăng với các nền nghệ thuật tạo hình khác trong cộng đồng dân tộc ở Sóc Trăng; các giải pháp bảo tồn và phát huy nghệ thuật tạo hình của người Khmer ở Sóc Trăng. Ngoài ra, nhóm cán bộ nghiên cứu đã chế tác 07 hiện vật tiêu biểu về nghệ thuật tạo hình như phù điêu Rắn thần Naga, Ròng Neak, Reahu, vũ nữ Keyno, chầu - Yeak, chim thần Maha Krud và thần bốn mặt. Kết quả của đề tài sẽ là cơ sở cho các ngành chức năng hoạch định đường lối, chính sách để bảo tồn, khai thác và phát triển loại hình nghệ thuật tạo hình của người Khmer ở Sóc Trăng; ngoài ra, kết quả của đề tài được sử dụng để làm tài liệu tham khảo, phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập chuyên ngành nghệ thuật tạo hình.

- Đề tài “Đặc điểm tình hình và nhiệm vụ chính trị của tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2001 - 2010 và định hướng đến năm 2020” đã đánh giá các nội dung như tình hình và nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Sóc Trăng; công tác an ninh, quốc phòng, dân vận, mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội, xây dựng chính quyền địa phương trong sạch vững mạnh, xây dựng Đảng bộ của tỉnh Sóc Trăng từ năm 2001 - 2010 và định hướng đến năm 2020. Kết quả thực hiện đề tài cung cấp cơ sở lý luận cho việc biên soạn giáo trình giảng dạy môn học địa phương của chương trình trung cấp lý luận chính trị - hành chính; đồng thời, là nguồn tài liệu tham khảo dùng trong học tập và nghiên cứu khoa học về tình hình kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng ở tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2001 - 2010.

2.2.2. Lĩnh vực khoa học tự nhiên

Các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên tập trung vào công tác nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu KH&CN trong chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi; giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong khâu thu hoạch, bảo quản nông sản, gắn sản xuất với bảo vệ môi

trường;... góp phần thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

*** Lĩnh vực trồng trọt**

- Cây lúa:

Nhằm nâng cao chuỗi giá trị trong sản xuất lúa, tỉnh đã triển khai thực hiện dự án “Xây dựng mô hình khoa học công nghệ sản xuất và tiêu thụ lúa đặc sản cao cấp ST 19 và ST 20 tại huyện Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng” thuộc Chương trình Nông thôn Miền núi; dự án “Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Gạo thơm Sóc Trăng” cho sản phẩm gạo thơm của tỉnh Sóc Trăng”. Ngoài ra, tỉnh đưa dự án “Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Gạo Tài Nguyên Thanh Trì” dùng cho sản phẩm gạo Tài nguyên của huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng” vào thực hiện năm 2014.

Việc cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp cũng được chú trọng hơn, tỉnh đã triển khai thực hiện dự án “Hỗ trợ nông dân mua máy gặt đập liên hợp thực hiện cơ giới hóa khâu thu hoạch trong sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2011-2015”, hỗ trợ 250 máy gặt đập liên hợp, với tổng số vốn cho vay là 90,093 triệu đồng (70% giá trị thiết bị, máy móc). Ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất 100% trong 2 năm đầu. Dự án triển khai thành công, góp phần đưa tỷ lệ diện tích lúa được thu hoạch bằng máy gặt đập liên hợp từ dưới 20% (năm 2008) lên trên 80% (năm 2013), giúp nông dân giảm tổn thất trong khâu thu hoạch lúa từ 5,1% xuống 2,1%.

- Cây ăn quả

Diện tích vườn tạp được cải tạo là 1.735 ha, bằng 173,5% kế hoạch năm 2012, nâng diện tích cây ăn trái cả năm đạt 27.075 ha. Trong năm, tập trung hướng dẫn nông dân cải tiến kỹ thuật, chọn giống và trồng các loại cây có hiệu quả kinh tế như cam Xoàn, bưởi Da Xanh, quýt Đường,... Đạt được kết quả này do thực hiện các dự án: Dự án xây dựng vùng chuyên canh cây ăn trái huyện Kế Sách; dự án trồng cây Ca cao xen canh;...

Kết quả thực hiện đề tài “Quản lý sâu đục trái trên cây có múi”, mô hình ứng dụng tổng hợp các biện pháp phòng trừ sâu đục trái trên cây có múi, dự án Xây dựng mô hình quản lý bệnh chổi rồng trên nhãn,... góp phần hạn chế sự gây hại của sâu đục trái trên cây có múi và bệnh chổi rồng trên nhãn.

- Cây rau, màu và cây công nghiệp ngắn ngày

Dự án “Xây dựng mô hình sản xuất hành Tím đạt tiêu chuẩn GlobalGAP tại huyện Vĩnh Châu (nay là thị xã Vĩnh Châu), tỉnh Sóc Trăng”: Thực hiện tại Phường 2 và xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Kết quả, giai đoạn 1, doanh nghiệp kinh doanh hành Tím Đức Vinh và 09 nông dân tham gia sản xuất hành Tím đã được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn GlobalGAP vào ngày 21/8/2012 với quy mô 4,5 ha; giai đoạn 2, mở rộng diện tích trồng hành Tím theo tiêu chuẩn GlobalGAP với diện tích là 98,95 ha và đã được chứng nhận vào ngày 05/02/2013. Từ hiệu quả của dự án, năm 2013 các doanh nghiệp và nông dân trên địa bàn thị xã Vĩnh Châu đã nhân rộng mô hình này và đã được chứng nhận đạt tiêu chuẩn GlobalGAP với diện tích trên 1.000 ha.

Ngoài ra, từ nguồn kinh phí của dự án Phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Chi cục Bảo vệ Thực vật tỉnh Sóc Trăng đã xây dựng và nâng cấp chuỗi giá trị hành Tím của Vĩnh Châu. Kết quả phân tích lợi thế cạnh tranh và phân tích SWOT đã chọn ra 4 giải pháp chiến lược để nâng cấp chuỗi giá trị hành Tím: Nâng cao giá trị hành Tím để mở rộng thị trường xuất khẩu; liên kết doanh nghiệp xây dựng vùng nguyên liệu đạt tiêu chuẩn GlobalGAP; đầu tư cơ sở hạ tầng, ứng dụng công nghệ hiện đại và giảm chi phí sản xuất; mở rộng chính sách kêu gọi đầu tư hoặc hợp tác công ty và vận động tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Thực hiện Quyết định số 107/2008/QĐ-TTg ngày 30/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ rau, quả, chè an toàn đến năm 2015, tỉnh đã chọn 5 vùng đủ điều kiện sản xuất rau an toàn: Thành phố Sóc Trăng; thị xã Vĩnh Châu và các huyện Châu Thành, Mỹ Xuyên, Mỹ Tú. Trên cơ sở quy hoạch các vùng đủ điều kiện sản xuất rau an toàn, tỉnh đã triển khai các mô hình sản xuất rau an toàn như: Mô hình cộng đồng sản xuất và sử dụng chế phẩm sinh học trong sản xuất rau an toàn theo hướng GAP; mô hình sản xuất rau đạt tiêu chuẩn VietGAP; Quản lý dịch hại tổng hợp trên rau (IPM);... từ nguồn kinh phí chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nguồn kinh phí của Tổ chức Lương nông Thế giới (FAO) hỗ trợ,... Các mô hình này đã giúp tăng hiệu quả kinh tế cho nông dân; giúp nông dân thay đổi tập quán canh tác theo hướng tiên tiến, phù hợp với xu thế phát triển chung; ý thức của người nông dân trong việc sản xuất ra sản phẩm an toàn cho cộng đồng, ý thức về bảo vệ môi trường trong sản xuất được nâng cao.

*** Lĩnh vực chăn nuôi**

- Dự án “Xây dựng mạng lưới gieo tinh nhân tạo heo”: Chuyển giao 98 con heo đực giống cho các điểm gieo tinh nhân tạo và các trang trại chăn nuôi heo.

- Dự án Cải tiến chất lượng đàn heo tỉnh Sóc Trăng: Chuyển giao 297 con heo cái giống; đàn heo chuyển giao đạt một số chỉ tiêu kỹ thuật về sinh sản như: tuổi lên giống lần đầu 232 ngày, tuổi phối giống lần đầu 260 ngày, tỷ lệ đậu thai 93,1%, khối lượng heo sơ sinh 1,4 kg/con, khối lượng heo 21 ngày tuổi 6,4 kg/con.

- Ngoài ra, để phát triển tốt đàn heo, tỉnh thực hiện dự án chọn lọc và nhân thuần đàn heo giống hạt nhân, kết quả đã chọn 40 con heo nái có năng suất và chỉ số (SPI) cao làm đàn nái hạt nhân. Bên cạnh đó, tỉnh quan tâm phát triển đàn bò của tỉnh thông qua dự án “Cải tiến, nâng cao chất lượng giống bò thịt tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2012 - 2015”. Hiện nay, tỉnh có những trang trại chăn nuôi heo, gà quy mô công nghiệp ở các huyện Kế Sách, Châu Thành, Mỹ Xuyên.

*** Lĩnh vực thủy sản**

- Đề tài “Tổ chức tập huấn, hướng dẫn quy trình nuôi tốt cho người nuôi tôm trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng”: Thực hiện 35 lớp tập huấn và 02 đợt tổ chức tham quan, Hội thảo đầu bờ, cấp phát 1.750 bộ tài liệu tập huấn, 1.750 tờ áp phích dán tường, 1.750 tờ bướm tuyên truyền, 1.750 hình ảnh minh họa, 1.800 bộ văn phòng phẩm,...; qua đó, giúp người nuôi tôm học hỏi nhiều kinh nghiệm trong chăm sóc, quản lý sức khỏe tôm nuôi.

- Dự án “Đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn môi trường và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ nuôi trồng”: Giúp người nuôi

tôm nhận diện các mối nguy, nâng cao nhận thức và khả năng ứng dụng khoa học kỹ thuật của người dân trong việc nuôi tôm theo hướng bền vững.

- Nhằm hướng tới một mô hình nuôi Artemia đạt năng suất ổn định và bền vững (70-80 kg/ha) để nâng cao thu nhập cho nông dân địa phương, tỉnh thực hiện 02 dự án sau:

+ Dự án “Xây dựng mô hình nuôi và chế biến trứng bào xác Artemia tại huyện Vĩnh Châu (nay là thị xã Vĩnh Châu), tỉnh Sóc Trăng” thuộc Chương trình Nông thôn Miền núi: Kết quả tạo được mối quan hệ từ khâu nuôi đến chế biến, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng hiệu quả kinh tế cho người sản xuất. Sản phẩm Artemia Vĩnh Châu đã được chứng nhận nhãn hiệu tập thể.

+ Dự án “Xây dựng mô hình và phổ biến quy trình nuôi Artemia thâm canh trên ruộng muối huyện Vĩnh Châu (nay là thị xã Vĩnh Châu), tỉnh Sóc Trăng”: Xây dựng được mô hình và quy trình nuôi Artemia thâm canh trên ruộng muối huyện Vĩnh Châu. Mô hình nuôi Artemia thâm canh với quy mô 2,8ha, năng suất bình quân đạt 151,8 kg trứng bào xác tươi/ha/vụ. Trong vụ nuôi năm 2012 - 2013, quy trình nuôi đã được nông dân áp dụng triệt để vào sản xuất với diện tích khoảng 14,5 ha và có khoảng 30% (172 ha) diện tích nuôi Artemia áp dụng một số khâu trong quy trình kỹ thuật.

- Đến nay, tỉnh đã có nhiều doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO, HACCP như Công ty SAOTA, Phương Nam, Út Xi.

2.3. Tăng cường tiềm lực KH&CN

- Bên cạnh công tác nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất và đời sống, các cấp, các ngành đã quan tâm đầu tư đào tạo nguồn nhân lực KH&CN để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh. Hiện nay, tổng số nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng KH&CN trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng là 4.914 người, hoạt động trong lĩnh vực khoa học tự nhiên; khoa học xã hội và nhân văn; khoa học kỹ thuật và công nghệ; khoa học nông nghiệp và khoa học y dược. Nhìn chung, chất lượng nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng KH&CN trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng có sự phát triển, được đào tạo về trình độ chuyên môn, cơ bản đáp ứng yêu cầu các nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, trình độ ngoại ngữ của một số công chức, viên chức chưa đạt yêu cầu đặt ra, năng lực nghiên cứu còn hạn chế.

- Ngoài ra, tỉnh Sóc Trăng đã tập trung nguồn vốn để đầu tư, nâng cấp các cơ sở nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để phục vụ công tác nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao KH&CN vào sản xuất; cụ thể như:

+ Đầu tư, khai thác tốt trang thiết bị Phòng Thí nghiệm công nghệ sinh học, phân tích hóa, lý, vi sinh tỉnh Sóc Trăng nhằm phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và quản lý nhà nước; Phòng Thí nghiệm có 23 chỉ tiêu đã được đánh giá chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005. Đồng thời, Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN đang sử dụng máy móc thiết bị để phân lập meo nấm Rơm và một số loại nấm ăn khác, sản xuất thử nghiệm nấm Xanh phục vụ nghiên cứu phòng trừ rầy Nâu trên cây lúa, rầy Đầu Vàng hại mía,...

+ Phòng Thí nghiệm thuộc Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường có khả năng phân tích khoảng 220 - 250 mẫu nước, đất, không khí/năm; trong đó, 10 chỉ tiêu lý hóa và 01 chỉ tiêu vi sinh đã được chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005.

+ Trang bị cơ sở vật chất, thiết bị cho Phòng Thí nghiệm thuộc Chi cục Thú y tỉnh Sóc Trăng, đáp ứng nhu cầu phân tích các mẫu bệnh phẩm và chẩn đoán cũng như quản lý dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản trên địa bàn tỉnh.

+ Khoa xét nghiệm của Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Sóc Trăng có khả năng phân tích được khoảng 35 chỉ tiêu lý hóa - vi sinh; trong đó, 4 chỉ tiêu lý hóa và 3 chỉ tiêu vi sinh đã được chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005. Hệ thống mạng lưới y tế từng bước được củng cố, phát triển để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân.

+ Đầu tư nâng cấp Trung tâm Giống cây trồng, Trung tâm Giống vật nuôi, Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN tỉnh Sóc Trăng; đồng thời, xây dựng mới hệ thống Trạm Khuyến nông, Trạm Bảo vệ thực vật, Trạm Thú y ở các huyện Kế Sách, Mỹ Tú, Ngã Năm, Thạnh Trị, Cù Lao Dung và thị xã Vĩnh Châu.

- Hiện nay, tỉnh đang xây dựng Đề án “Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng KH&CN đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng” nhằm nâng cấp và đầu tư cơ sở vật chất cho các tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh, xây dựng khu nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh, khuyến khích hình thành doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao,...

3. Nhận xét, đánh giá

3.1. Thuận lợi

- Công tác tổ chức, quán triệt về ý nghĩa, nội dung và tầm quan trọng của Nghị quyết số 20-NQ/TW và Nghị quyết số 46/NQ-CP cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động được các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương thực hiện khá tốt; qua đó, tạo được sự đồng thuận trong xã hội, huy động mọi người tích cực tham gia thực hiện.

- Công tác chuyển giao và ứng dụng KH&CN, đào tạo nguồn nhân lực được cấp ủy Đảng và chính quyền quan tâm triển khai nhằm đáp ứng việc thực hiện hiện đại hóa nông nghiệp, công nghiệp hóa nông thôn.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã tác động tích cực đến việc nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, hiệu quả của sản xuất nông nghiệp; từng bước hình thành vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, chuyên canh, phát huy lợi thế sản phẩm chủ lực của địa phương (lúa gạo đặc sản, tôm nước lợ, hành tím, Artemia) góp phần xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hoá lớn, giúp đảm bảo an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài.

3.2. Tồn tại, hạn chế

- Các nhiệm vụ do các cơ quan tại tỉnh Sóc Trăng đề xuất không nhiều và chưa đáp ứng yêu cầu; công tác đặt hàng nghiên cứu chủ yếu xuất phát từ nhận

định, phát hiện của ngành KH&CN, có tỷ lệ thấp so với nhiệm vụ KH&CN được xác định hàng năm.

- Chất lượng thực hiện các nhiệm vụ KH&CN đã được nâng lên một bước đáng kể, từng bước áp dụng có hiệu quả vào sản xuất và đời sống; tuy nhiên, một số công trình nghiên cứu KH&CN đạt hiệu quả chưa cao, chưa tạo ra các sản phẩm có hàm lượng khoa học cao để đáp ứng nhu cầu phát triển và tạo ra những đột phá lớn trong sản xuất.

Trên đây là báo cáo tình hình một năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW và Nghị quyết số 46/NQ-CP trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ.

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN;
- Sở KH&CN;
- Lưu: HC, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Thành Trí

